

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang và ven biển.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cụ thể 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống ở huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang và ven biển.

Các chỉ tiêu đến năm 2025:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang và ven biển xuống dưới 25%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang và ven biển xuống dưới 10%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ học đường từ trên 5-16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang và ven biển xuống dưới 30%.

2.2. Mục tiêu cụ thể 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ

em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển.

Các chỉ tiêu đến 2025:

- Trên 80% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.
- Trên 90% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang và ven biển được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.
- Giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển lần lượt xuống dưới 25% và dưới 30%;
- Giảm tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo lần lượt xuống dưới 60% và dưới 70%.

2.3. Mục tiêu cụ thể 3: Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang và ven biển.

Các chỉ tiêu đến năm 2025:

- Tăng tỷ lệ trẻ em 6-23 tháng tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang và ven biển ăn bổ sung đúng, đủ lên 60%.
- Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang và ven biển đạt trên 90%.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng hỗ trợ trực tiếp

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.
- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

2. Phạm vi thực hiện

Thực hiện trong toàn tỉnh, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

III. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

1. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

- Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Trường hợp đối tượng, nội dung hỗ trợ trùng lặp với chương trình, dự án khác có nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước thì chỉ lựa chọn thực hiện theo 01 chương trình, dự án; trong đó ưu tiên lựa chọn thực hiện theo chương trình, dự án có định mức hỗ trợ cao hơn.

2. Phương thức hỗ trợ

- Hỗ trợ can thiệp trực tiếp đối tượng phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng (cung cấp gói tư vấn dinh dưỡng, đa vi chất, sản phẩm dinh dưỡng, quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng...)

- Hỗ trợ can thiệp trực tiếp trẻ học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) cải thiện bữa ăn học đường, theo dõi tình trạng dinh dưỡng định kỳ và tư vấn dinh dưỡng, hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giáo dục cho trẻ về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng...

- Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hành vi của các đối tượng thông qua việc tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản; tăng cường nguồn lực và phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng và theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả hoạt động của Chương trình.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí bố trí cho nhiệm vụ cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Nguồn vốn được tiếp nhận, huy động và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG CẢI THIỆN DINH DƯỠNG

1. Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi

1.1. Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi:

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế và tài liệu Hướng dẫn tư vấn dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Viện Dinh dưỡng và các văn bản hiện hành.

1.2. Cung cấp sắt cho trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ có thai:

Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

1.3. Bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6 đến 60 tháng tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và phụ nữ trong

vòng 1 tháng sau sinh:

Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT, ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

1.4. Bổ sung kẽm cho trẻ em bị tiêu chảy cấp:

- Liều lượng bổ sung:

+ Trẻ <6 tháng: 10 mg/ngày x 14 ngày.

+ Trẻ >6 tháng: 20 mg/ ngày x 14 ngày.

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và Quyết định số 4121/QĐ-BYT ngày 28/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Tài liệu hướng dẫn xử trí tiêu chảy ở trẻ em.

1.5. Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng:

- Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi bổ sung vào bữa ăn của trẻ.

+ Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế. Hàm lượng các vi chất dinh dưỡng đảm bảo theo hướng dẫn nêu trên và các văn bản cập nhật (nếu có).

+ Kết hợp tư vấn, hướng dẫn sử dụng tại hộ gia đình. Theo dõi, giám sát và báo cáo theo quy định.

- Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ học đường bị suy dinh dưỡng

+ Thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Y tế.

+ Các trường tổ chức đánh giá tình trạng dinh dưỡng định kỳ để phát hiện trẻ suy dinh dưỡng, lập danh sách, tiếp nhận sản phẩm dinh dưỡng và cấp phát theo đợt, tổ chức sử dụng sản phẩm dinh dưỡng tại trường; lồng ghép với Chương trình dinh dưỡng học đường do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện; theo dõi giám sát, báo cáo theo quy định.

1.6. Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng:

- Đối tượng: Trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng.

- Phác đồ điều trị trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng theo quy định hiện hành và các văn bản cập nhật của Bộ Y tế.

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh

suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26/8/ 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

1.7. Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai:

Số lượng cấp phát: Trẻ em 2 đến dưới 6 tuổi, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ tẩy giun 2 lần/năm.

1.8. Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em:

- Số lượng sản phẩm dinh dưỡng: theo nhu cầu thực tế của địa phương.
- Xây dựng kế hoạch ứng phó về dinh dưỡng khẩn cấp hoặc lồng ghép trong kế hoạch ứng phó về thiên tai thảm họa của tỉnh.
- Có kế hoạch sử dụng các trang thiết bị, vật tư, thuốc, sản phẩm dinh dưỡng nếu không có tình huống khẩn cấp xảy ra một cách phù hợp, hiệu quả, tránh lãng phí.

1.9. Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng tại trạm y tế xã, phường, thị trấn, thôn bản:

Thực hiện theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; Công văn số 3598/BYT-BMTE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế và các hướng dẫn khác của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

1.10. Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh bán trú, nội trú:

- Thực hiện theo các hướng dẫn chuyên môn hiện hành của ngành y tế và giáo dục.
- Ngành Giáo dục phối hợp ngành Y tế lập kế hoạch, tập huấn cho các cán bộ y tế học đường triển khai dự án về tổ chức bữa ăn học đường, các kiến thức và kỹ năng giáo dục dinh dưỡng học đường, đẩy mạnh chất lượng giáo dục dinh dưỡng chính khóa và các hình thức ngoại khóa phù hợp với điều kiện địa phương. Cán bộ y tế học đường có vai trò tham gia hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động cho các trường học triển khai bữa ăn bán trú và công tác giáo dục dinh dưỡng trong trường học, phối hợp với giáo dục dinh dưỡng tại gia đình. Triển khai các mô hình tạo nguồn thực phẩm tại chỗ ở địa phương thông qua kết hợp với các dự án thành phần khác của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

1.11. Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường

vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học.

- Thực hiện theo các hướng dẫn hiện hành của ngành Y tế và Giáo dục (Thông tư số 23/2017/TT-BYT ngày 15/05/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; Tài liệu hướng dẫn công tác y tế trường học ban hành theo Quyết định số 3822/QĐ- BGDDT ngày 23/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản cập nhật nếu có).

- Ngành Giáo dục phối hợp ngành Y tế lập kế hoạch và tập huấn cho cán bộ y tế trường học triển khai dự án về dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý, các kiến thức và kỹ năng cần thiết để triển khai hoạt động. Ngành Y tế hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động. Các cơ sở giáo dục tổ chức các hình thức tư vấn phù hợp, lồng ghép với chăm sóc y tế học đường. Tạo điều kiện cơ sở vật chất để học sinh có thể thực hành dinh dưỡng và thể lực hợp lý.

1.12. Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch:

Thực hiện theo hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế (tùy theo thực tế, có thể bao gồm: cân đo nhân trắc, xét nghiệm máu, phỏng vấn khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm, phỏng vấn thông tin nhân khẩu học, tiền sử nuôi dưỡng, tiền sử bệnh tật...).

1.13. Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em: cho cơ sở y tế tỉnh, huyện, xã, thôn bản và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, thực phẩm bổ sung, tài liệu để triển khai các hoạt động can thiệp tại cộng đồng.

1.14. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em:

- Tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng tuyến xã và thôn bản về hướng dẫn triển khai và các kỹ thuật chuyên môn triển khai hoạt động về dinh dưỡng.

- Tập huấn cho y tế trường học và giáo viên trường học tại các tuyến về hướng dẫn hỗ trợ triển khai hoạt động về dinh dưỡng tại trường học.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo về nâng cao năng lực cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ giảm nghèo, cán bộ nông dân, hội phụ nữ về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em 0-16 tuổi.

- Hàng năm đề xuất kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo theo phương thức giảng viên trung ương tập huấn cho tỉnh, huyện, cán bộ tuyến tỉnh, huyện tập huấn cho tuyến xã, thôn, bản.

2. Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng

- Biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông,

bao gồm truyền thông đại chúng, loa đài, báo giấy, tờ rơi, pano, internet, mạng xã hội, phần mềm công nghệ số.

- Tập huấn về kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ y tế và liên ngành làm công tác chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ trẻ em cấp huyện, xã, thôn bản theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến phù hợp với thực tế địa phương và tính chất nội dung đào tạo.

- Tổ chức các buổi truyền thông tại thôn bản, xã trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng theo điều kiện và kế hoạch của địa phương, và dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế hàng năm.

3. Hoạt động về kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện

Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện Chương trình theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 3133/KH-UBND ngày 18/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Các đơn vị tuyến tỉnh, huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động dinh dưỡng tuyến xã, phường và thôn, bản. Thực hiện giám sát theo kế hoạch hàng năm.

- Lập kế hoạch thu thập các thông tin để khảo sát, đánh giá đầu vào cho các huyện, xã can thiệp vào năm 2022 (*xem các chỉ số cần thu thập và đánh giá tại Phụ lục 1 theo Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế*). Hàng năm có khảo sát, đánh giá lại và khảo sát, đánh giá cuối kỳ.

- Theo dõi và báo cáo các chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động (*tại Phụ lục 2 theo Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế*) cho Viện Dinh dưỡng - Bộ Y tế, UBND tỉnh.

- Báo cáo về nguồn vốn được tiếp nhận, huy động các nguồn vốn hợp pháp và sử dụng cho chương trình.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Đầu mối tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động của các huyện, xã và báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế.

- Chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị để triển khai các can thiệp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng theo hướng dẫn của Bộ Y tế; Đẩy mạnh công tác chỉ đạo tuyên, hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến dưới và tổ chức các lớp tập huấn cập nhật kiến thức cho cán bộ làm công tác dinh dưỡng.

- Rà soát, lồng ghép vào các chương trình, Đề án, dự án có liên quan của ngành Y tế, của các địa phương khi triển khai nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các sở, ban ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch; hướng dẫn các địa phương lồng ghép việc thực hiện các hoạt động có liên quan trên cùng địa bàn.

- Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan hướng dẫn các huyện rà soát, tổng hợp tham mưu phân bổ vốn thực hiện hoạt động; ưu tiên xã thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển.

- Sau khi phân bổ và giao kế hoạch vốn chi tiết cho các huyện, xã, Sở Y tế tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động của các huyện, xã và báo cáo UBND cấp tỉnh.

2. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện nhiệm vụ cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo quy định hiện hành và trong khả năng cân đối ngân sách.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Sở Y tế triển khai các hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động tại trường học (bữa ăn học đường, theo dõi đánh giá dinh dưỡng, giáo dục dinh dưỡng, tư vấn và hỗ trợ sản phẩm dinh dưỡng).

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Y tế trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Tham gia giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động.

5. Các Sở ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan: theo chức năng nhiệm vụ và hoạt động có liên quan Tiểu dự án “Cải thiện dinh dưỡng” để phối hợp với Sở Y tế và các địa phương triển khai các hoạt động có hiệu quả.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế tại địa phương, xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” trên địa bàn, đảm bảo đúng đối tượng được hưởng lợi, đạt mục tiêu và hiệu quả, đúng quy định; thực hiện kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ động lồng ghép các hoạt động Cải thiện dinh dưỡng với các chương trình, đề án, chiến lược khác có liên quan trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện công tác dinh dưỡng của địa phương; huy động toàn thể các ban, ngành, hội, đoàn thể

của các xã, phường, thị trấn và mạng lưới nhân viên y tế thôn bản tích cực tham gia thực hiện kế hoạch.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh:

Phối hợp với ngành y tế trong việc phổ biến các kiến thức về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho cán bộ, hội viên ở cơ sở; chú trọng việc tuyên truyền đảm bảo đủ thành phần dinh dưỡng trong khẩu phần ăn hàng ngày, cách chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em và phụ nữ mang thai tới các hộ gia đình hội viên, qua đó góp phần thực hiện các mục tiêu cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

Căn cứ Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công; ***định kỳ trước ngày 20 tháng 11 hàng năm*** báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp. Giao Sở Y tế làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nội dung Kế hoạch này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Viện Dinh dưỡng;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ;
- Lưu: VT, VXVN. NNN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên